

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2014**



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 23

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Văn Cường	Chủ tịch
Ông Phạm Chu Tứ	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 01 năm 2014)
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Phước	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2014)
Ông Đỗ Quốc Công	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2014, miễn nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2014)
Ông Vương Duy Tú	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 22 tháng 01 năm 2014)
Ông Nông Ngọc Phương	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 03 tháng 12 năm 2014)

##### Ban Giám đốc

Ông Phạm Chu Tứ	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 22 tháng 01 năm 2014)
Ông Nguyễn Đình Phước	Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 22 tháng 01 năm 2014, miễn nhiệm Phó Giám đốc cùng ngày)
Ông Vương Duy Tú	Phó Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đình Phước  
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2015, từ trang 04 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### *Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến*

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 238.012.025.133 VND và số lỗ lũy kế của Công ty là 355.666.815.198 VND vượt quá vốn điều lệ và các quỹ với số tiền 202.440.101.233 VND. Đồng thời, các thỏa thuận tài chính của Công ty đã hết hạn và Công ty chưa thực hiện thanh toán các khoản nợ đến hạn theo kế hoạch. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình tái đàm phán nhằm đạt được các thỏa thuận tài chính thay thế. Tuy nhiên, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc sử dụng giả định hoạt động liên tục trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm các thỏa thuận tài chính được gia hạn, cam kết hỗ trợ tài chính từ Công ty mẹ cũng như các bằng chứng liên quan đến kế hoạch mà Ban Giám đốc đã lập.

### *Từ chối đưa ra ý kiến*

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Nguyễn Quang Trung  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0733-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 25 tháng 3 năm 2015  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Tùng  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1941-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>158.566.504.846</b>	<b>344.964.311.977</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.884.151.446</b>	<b>7.561.100.376</b>
1. Tiền	111	5	4.884.151.446	7.561.100.376
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>106.223.007.461</b>	<b>216.670.349.573</b>
1. Phải thu khách hàng	131		67.012.492.305	87.985.837.408
2. Trả trước cho người bán	132		19.334.795.487	19.235.329.282
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	6	19.741.954.541	119.998.303.772
4. Các khoản phải thu khác	135		14.757.775.043	3.245.926.639
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(14.624.009.915)	(13.795.047.528)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>33.229.556.039</b>	<b>100.522.357.070</b>
1. Hàng tồn kho	141		68.244.354.623	133.200.968.429
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(35.014.798.584)	(32.678.611.359)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.229.789.900</b>	<b>20.210.504.958</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		313.392.124	154.723.968
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	4.044.157.853
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		170.237.068	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		13.746.160.708	16.011.623.137
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+250+260)	<b>200</b>		<b>35.571.923.900</b>	<b>50.938.791.965</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>22.192.981.737</b>	<b>34.686.153.016</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	21.952.923.115	34.435.027.728
- Nguyên giá	222		79.518.164.276	90.296.176.541
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.565.241.161)	(55.861.148.813)
2. Tài sản cố định vô hình	227		10.109.431	21.176.097
- Nguyên giá	228		68.333.334	70.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(58.223.903)	(49.323.903)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		229.949.191	229.949.191
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>11.300.000.000</b>	<b>11.300.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	10	11.300.000.000	11.300.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.078.942.163</b>	<b>4.952.638.949</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.078.942.163	4.952.638.949
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>194.138.428.746</b>	<b>395.903.103.942</b>

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>396.578.529.979</b>	<b>508.420.071.018</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>396.578.529.979</b>	<b>508.420.071.018</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	100.508.157.387	104.293.921.602
2. Phải trả người bán	312		144.927.408.511	124.342.207.214
3. Người mua trả tiền trước	313	12	45.565.350.234	203.132.533.143
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		8.836.324.236	755.212.025
5. Phải trả người lao động	315		243.278.928	849.100.268
6. Chi phí phải trả	316	13	88.679.523.138	65.273.067.427
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		8.130.469.290	10.057.061.084
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(311.981.745)	(283.031.745)
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>(202.440.101.233)</b>	<b>(112.516.967.076)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>(202.440.101.233)</b>	<b>(112.516.967.076)</b>
1. Vốn điều lệ	411	15	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	15	1.037.168.132	1.037.168.132
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	15	2.189.545.833	2.189.545.833
4. Lỗ lũy kế	420	15	(355.666.815.198)	(265.743.681.041)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>194.138.428.746</b>	<b>395.903.103.942</b>

  
 Lê Tuấn Nguyên  
 Kế toán trưởng/Người lập biểu

Ngày 25 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Đình Phước  
 Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	51.822.407.673	83.538.877.442
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	103.724.896.831	176.158.255.313
3. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(51.902.489.158)	(92.619.377.871)
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21		25.493.530	47.803.152
5. Chi phí tài chính	22		23.421.752.733	16.695.286.752
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.421.752.733	15.533.116.187
6. Chi phí bán hàng	24		-	966.537.653
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.166.235.889	34.905.711.938
8. Lỗ từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25)	30		(87.464.984.250)	(145.139.111.062)
9. Thu nhập khác	31	20	8.094.851.673	122.678.058.472
10. Chi phí khác	32	20	10.553.001.580	131.261.923.407
11. Lỗ khác (40=31-32)	40		(2.458.149.907)	(8.583.864.935)
12. Lợi nhuận trong công ty liên kết	45		-	1.907.996.476
13. Lỗ kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		(89.923.134.157)	(151.814.979.521)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
15. Lỗ sau thuế TNDN (60=50-51)	60		(89.923.134.157)	(151.814.979.521)
16. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	21	(5.995)	(10.121)



Lê Tuấn Nguyễn  
 Kế toán trưởng/Người lập biểu

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Đình Phước  
 Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

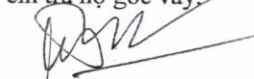
MÃ SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lỗ trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(89.923.134.157)</b>	<b>(151.814.979.521)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao TSCĐ	02	7.040.299.301	16.956.112.437
- Các khoản dự phòng	03	3.165.149.612	44.037.192.884
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.515.779.005)	(957.589.548)
- Chi phí lãi vay	06	23.421.752.733	15.533.116.187
<b>3. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(59.811.711.516)</b>	<b>(76.246.147.561)</b>
- Thay đổi các khoản phải thu	09	115.482.773.006	59.051.037.289
- Thay đổi hàng tồn kho	10	64.956.613.806	51.251.073.857
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	(125.507.387.627)	(27.908.691.153)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	2.715.028.630	7.467.259.768
- Tiền lãi vay đã trả	13	(20.296.398)	(2.793.813.812)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(111.074.324)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	974.661.500
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(113.600.000)	(1.049.866.952)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2.409.654.423)</b>	<b>10.745.512.936</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	-	(222.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	274.989.933	78.239.476.408
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	-	957.589.548
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>274.989.933</b>	<b>78.975.065.956</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	14.174.367.305
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(542.284.440)	(103.198.919.533)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(542.284.440)</b>	<b>(89.024.552.228)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(2.676.948.930)</b>	<b>696.026.664</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>7.561.100.376</b>	<b>6.865.073.712</b>
<b>Tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>4.884.151.446</b>	<b>7.561.100.376</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định trong năm không bao gồm 3.243.479.175 VND là số tiền được thanh toán thông qua hình thức bù trừ với khoản nợ vay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tiền chi trả nợ gốc vay.



Lê Tuấn Nguyễn  
 Kế toán trưởng/Người lập biểu



  
 Nguyễn Đình Phước  
 Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 965/QĐ-XLKD ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Dầu khí Miền Trung thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4300368987 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2009, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 8 ngày 06 tháng 02 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 65 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 229 người).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cầu đường, công trình dân dụng, công nghiệp trong và ngoài ngành dầu khí; xây dựng các công trình thủy lợi; san lấp mặt bằng;
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; xây dựng các công trình đê kè, cầu cảng;
- Sản xuất kinh doanh bê tông thương phẩm, khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ; sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại;
- Bảo dưỡng, sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; chế tạo lắp đặt bồn chứa xăng, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt hệ thống đường dây tải điện đến 35 KV và các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp; đầu tư kinh doanh bất động sản.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 238.012.025.133 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 166.516.332.307 VND) và số lỗ lũy kế của Công ty là 355.666.815.198 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 265.743.681.041 VND). Trong năm, Công ty gặp khó khăn trong quản lý dòng tiền và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào kế hoạch tăng cường thu hồi các khoản công nợ, quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi và tiếp tục thỏa thuận vay cần thiết với các tổ chức tín dụng để đảm bảo dòng tiền đáp ứng nhu cầu trả các khoản nợ đến hạn. Ban Giám đốc Công ty cũng tin tưởng rằng Công ty sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong các năm tiếp theo để đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh cũng như Công ty sẽ được gia hạn nợ cho các khoản nợ quá hạn với các tổ chức tín dụng và nhận được nguồn thu từ các dự án, công trình lớn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>2014</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 7
Thiết bị quản lý	3 - 7
Tài sản khác	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản vốn góp vào các công ty cổ phần trong đó Công ty nắm giữ dưới 20% vốn điều lệ và các khoản đầu tư khác với thời hạn lớn hơn 1 năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo quy định hiện hành.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện giá trị còn lại của các khoản chi phí có thể mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí này được vốn hoá dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

68987-  
3 TY  
HÂN  
DẦU KH  
TRUNG  
19.0

10  
C  
CH  
DE  
TE  
10

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có khoản lỗ kế toán lũy kế là 355,67 tỷ VND, khoản lỗ này sẽ được xác định phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế và có thể được dùng để bù trừ với các khoản lợi nhuận chịu thuế của các năm tiếp theo nhưng không quá 05 năm kể từ năm phát sinh. Việc sử dụng các khoản lỗ này phụ thuộc vào lợi nhuận trong tương lai của Công ty. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho khoản lỗ thuần tính thuế này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	253.518.787	146.121.728
Tiền gửi ngân hàng (i)	4.630.632.659	7.414.978.648
	<u>4.884.151.446</u>	<u>7.561.100.376</u>

- (i) Bao gồm số tiền 2.992.468.589 VND tại Ngân hàng TMCP Quân đội được phong tỏa để thu nợ cho khoản vay quá hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 24.712.680.168 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 9.744.949.895 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị còn lại của các tài sản cố định được dùng để đảm bảo cho khoản vay là 860.794.294 VND (31 tháng 12 năm 2013 là 1.990.204.083 VND).

**9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Trong năm, Công ty con của công ty - Công ty TNHH Một thành viên Bao bì Dung Quất đã hoàn tất thủ tục giải thể. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty không còn khoản đầu tư vào công ty con.

**10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Công ty đã góp vốn bằng tiền là 11,3 tỷ VND ngày 19 tháng 8 năm 2010, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 3,77% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Ban Giám đốc đánh giá không cần trích lập khoản dự phòng đầu tư này do đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang vẫn đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng.

**11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	96.381.570.910	96.881.570.910
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	48.563.059.336	48.563.059.336
Ngân hàng TMCP Quân đội	19.374.106.279	19.374.106.279
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	13.244.216.949	13.244.216.949
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	15.200.188.346	15.700.188.346
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 13)	4.126.586.477	7.412.350.692
	<u>100.508.157.387</u>	<u>104.293.921.602</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ tổ chức tín dụng và các ngân hàng thương mại, đáo hạn trong vòng 1 năm kể từ ngày rút vốn. Các khoản vay được rút bằng Đồng Việt Nam, được dùng để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay chịu lãi suất từ 11,5%/năm đến 23%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản vay này đã quá hạn thanh toán.

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

Bao gồm chủ yếu khoản nhận ứng trước từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam liên quan tới dự án “Thi công khu xử lý nước cấp, hệ thống dẫn nước làm mát” tại công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 28.268.366.989 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 178.100.680.371 VND).



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

Địa chỉ Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay trích trước	55.122.520.415	31.700.969.743
Chi phí khác	33.557.002.723	33.572.097.684
	<b>88.679.523.138</b>	<b>65.273.067.427</b>

**14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	4.126.586.477	4.168.870.917
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	4.126.586.477	4.168.870.917
Nợ dài hạn khác	-	3.243.479.775
	<b>4.126.586.477</b>	<b>7.412.350.692</b>

Các khoản vay dài hạn cho mục đích mua sắm máy móc thiết bị với lãi suất 16% từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam) theo Hợp đồng tín dụng số 12/TDH/2009 ngày 29 tháng 12 năm 2009. Theo đó, hạn mức vay là 12,4 tỷ VND, mục đích để thực hiện đầu tư máy móc thiết bị, thời hạn vay tối đa là 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, lãi suất theo từng lần rút vốn. Giá trị tài sản thế chấp là 2.699.000.000 VND theo Biên bản định giá 681/BB-TCDK-CNDN ký ngày 26 tháng 6 năm 2012 giữa Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Công ty. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị còn lại của các tài sản này là 860.794.294 VND.

Khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.126.586.477	7.412.350.692
Trong năm thứ hai	-	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	-
Sau năm năm	<b>4.126.586.477</b>	<b>7.412.350.692</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	4.126.586.477	7.412.350.692
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lỗ lũy kế
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	150.000.000.000	1.037.168.132	2.354.415.829	(107.228.479.099)
Lỗ trong năm	-	-	-	(151.814.979.521)
Chia lợi nhuận theo hợp đồng liên danh	-	-	-	(6.700.222.421)
Giảm khác	-	-	(164.869.996)	-
Tại ngày 01/01/2014	150.000.000.000	1.037.168.132	2.189.545.833	(265.743.681.041)
Lỗ trong năm	-	-	-	(89.923.134.157)
Tại ngày 31/12/2014	150.000.000.000	1.037.168.132	2.189.545.833	(355.666.815.198)

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 150 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần (1000 CP)	Tỷ lệ (%)	Giá trị cổ phần (VND)
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.350	49	73.500.000.000
2	Các cổ đông khác	7.650	51	76.500.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>15.000</b>	<b>100</b>	<b>150.000.000.000</b>

Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 15.000.000 cổ phiếu. Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp. Trong năm, Công ty không có hoạt động sản xuất, kinh doanh trọng yếu nào khác; theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đều liên quan đến hoạt động xây lắp.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**17. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp (i)	45.132.112.577	11.467.963.785
Doanh thu bán thành phẩm và doanh thu khác	6.690.295.096	72.070.913.657
	<b>51.822.407.673</b>	<b>83.538.877.442</b>

- (i) Công ty hiện đang thực hiện dự án “Thị công khu xử lý nước cấp, hệ thống dẫn nước làm mát” tại công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng. Dự án này được thực hiện theo Hợp đồng số 240/HĐXD/PVC-PVCMT/VA1 ngày 15 tháng 12 năm 2009 và Phụ lục hợp đồng số 08 ngày 26 tháng 6 năm 2013 với tổng giá trị là 196.450.725.322 VND ký với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC). Theo Phụ lục hợp đồng số 09 ký ngày 30 tháng 12 năm 2014, giá trị Hợp đồng số 240/HĐXD/PVC-PVCMT/VA1 được điều chỉnh với giá tạm tính là 247.704.795.726 VND. Theo đó, Công ty đã ghi nhận bổ sung doanh thu trong năm tương ứng với phần công việc đã được thi công trước đó nhưng chưa đủ cơ sở để nghiệm thu với số tiền 36.568.164.497 VND.

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2014	2013
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	96.214.370.611	114.220.970.228
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	7.510.526.220	61.937.285.085
	<b>103.724.896.831</b>	<b>176.158.255.313</b>

**19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.673.172.122	65.403.145.315
Chi phí nhân công	6.458.056.060	21.621.876.106
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.012.284.991	14.293.605.794
Chi phí thuê ngoài và chi phí khác	32.831.271.945	38.541.942.683
	<b>47.974.785.118</b>	<b>139.860.569.898</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý tài sản, vật tư	7.192.969.789	120.448.038.818
Khác	901.881.884	2.230.019.654
	<u>8.094.851.673</u>	<u>122.678.058.472</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của tài sản cố định, vật tư, và các chi phí liên quan	6.095.376.805	121.243.301.748
Khác	4.457.624.775	10.018.621.659
	<u>10.553.001.580</u>	<u>131.261.923.407</u>

**21. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU****Lỗ cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên số lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(89.923.134.157)	(151.814.979.521)
Lỗ để tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(89.923.134.157)	(151.814.979.521)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(5.995)	(10.121)

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và 14, trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	100.508.157.387	104.293.921.602
Trừ: Tiền	4.884.151.446	7.561.100.376
Nợ thuần	95.624.005.941	96.732.821.226
Vốn chủ sở hữu	<u>(202.440.101.233)</u>	<u>(112.516.967.076)</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	4.884.151.446	7.561.100.376
Các khoản phải thu	86.888.211.974	197.435.020.291
Đầu tư tài chính dài hạn	11.300.000.000	11.300.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>103.072.363.420</u></b>	<b><u>216.296.120.667</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	100.508.157.387	104.293.921.602
Phải trả người bán và phải trả khác	153.057.877.801	134.399.268.298
Chi phí phải trả	88.679.523.138	65.273.067.427
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>342.245.558.326</u></b>	<b><u>303.966.257.327</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

***Độ nhạy của lãi suất***

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lỗ trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ tăng/giảm khoảng 2.026 triệu VND (31 tháng 12 năm 2013: 3.680 triệu VND).

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Như trình bày tại Thuyết minh số 4 về các khoản dự phòng phải thu khó đòi, Công ty có khoản rủi ro tín dụng đến từ một số khách hàng.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>31/12/2014</b>			
Tiền	4.884.151.446	-	4.884.151.446
Các khoản phải thu	86.888.211.974	-	86.888.211.974
Đầu tư tài chính dài hạn	-	11.300.000.000	11.300.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>91.772.363.420</b>	<b>11.300.000.000</b>	<b>103.072.363.420</b>
<b>31/12/2014</b>			
Các khoản vay	100.508.157.387	-	100.508.157.387
Phải trả người bán và phải trả khác	153.057.877.801	-	153.057.877.801
Chi phí phải trả	88.679.523.138	-	88.679.523.138
<b>Tổng cộng</b>	<b>342.245.558.326</b>	<b>-</b>	<b>342.245.558.326</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>31/12/2013</b>			
Tiền	7.561.100.376	-	7.561.100.376
Các khoản phải thu	197.435.020.291	-	197.435.020.291
Đầu tư tài chính dài hạn	-	11.300.000.000	11.300.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>204.996.120.667</b>	<b>11.300.000.000</b>	<b>216.296.120.667</b>
<b>31/12/2013</b>			
Các khoản vay	104.293.921.602	-	104.293.921.602
Phải trả người bán và phải trả khác	134.399.268.298	-	134.399.268.298
Chi phí phải trả	65.273.067.427	-	65.273.067.427
<b>Tổng cộng</b>	<b>303.966.257.327</b>	<b>-</b>	<b>303.966.257.327</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(98.970.136.660)</b>	<b>11.300.000.000</b>	<b>(87.670.136.660)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư tài sản tài chính thấp hơn đáng kể so với công nợ tài chính. Ban Giám đốc đánh giá Công ty có rủi ro thanh khoản và gặp một số khó khăn trong việc quản lý dòng tiền trong năm tới. Ban Giám đốc đã có kế hoạch tài chính cụ thể trong tương lai và đang trong quá trình đàm phán với các tổ chức tín dụng để gia hạn thanh toán cho các khoản nợ đã quá hạn. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào kết quả của việc đàm phán cũng như hỗ trợ từ Công ty mẹ và khả năng tạo ra dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong tương lai.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	
	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		Công ty mẹ của Cổ đông lớn
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam		Cổ đông lớn
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí		Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bê chứa Dầu khí		Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An		Công ty liên kết của Chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn		Trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam		Trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PETROSETCO)		Trong cùng Tập đoàn
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất		Trong cùng Tập đoàn
Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung		Trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất		Trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP		Trong cùng Tập đoàn
Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng -		Trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Quảng Ngãi		Trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam - CN Đà Nẵng		Trong cùng Tập đoàn
Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi - PTSC		Trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam		Trong cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư Dầu khí Nha Trang		Trong cùng Tập đoàn
	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	42.205.316.497	-
Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	-	174.321.343.811
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	1.028.389.634
Tổng Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PETROSETCO)	-	1.080.686.339
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	-	8.743.167.176
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	-	(274.341.717)
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	6.338.307.285
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP	283.546.027	3.112.812.846
<b>Mua tài sản, hàng hóa, dịch vụ</b>		
Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi (PTSC)	-	199.218.404
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	12.459.000
Tổng Công ty Tài Chính CP Dầu Khí Việt Nam - CN Đà Nẵng	-	1.067.811.089
Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng -	29.530.927.017	110.779.485
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam		
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn	-	35.903.137.375
<b>Lãi vay</b>		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Đà Nẵng	13.370.715.382	14.754.490.804
Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm:		
	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lương	400.780.807	817.978.386



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu  
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Số dư với các bên liên quan:**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Phải thu</b>		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	11.756.202.046	170.525.924
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	3.769.347.806	3.769.347.806
Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	4.680.897.900	5.057.733.900
Công ty CP Xây lắp Đường ống Dể chứa Dầu khí	1.219.986.291	1.100.000.000
Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi - PTSC	19.668.210.386	22.061.005.247
Công ty CP Đầu tư Dầu khí Nha Trang	3.592.379.131	1.855.642.773
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP	-	806.710.335
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP	-	1.582.557.025
Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	166.796.334	6.140.062.028
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	367.257.401	4.225.569.977
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	40.920.000	113.850.000
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	18.306.778.901	25.859.614.466
<b>Phải trả</b>		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.698.220.476	4.547.977.133
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	2.153.347.000	2.153.347.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Đà Nẵng	4.421.608.025	4.193.330.409
<b>Các khoản nhận ứng trước</b>		
Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng -	28.268.366.989	178.100.680.371
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	10.128.392.064	11.961.032.899
<b>Nợ dài hạn</b>		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	3.243.479.775
<b>Các khoản vay và lãi vay trích trước phải trả</b>		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Đà Nẵng		
- Vay ngắn hạn	48.563.059.336	48.563.059.336
- Vay dài hạn	-	4.168.870.917
- Lãi vay trích trước phải trả	28.125.206.186	14.754.490.804

**24. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Trong năm 2012, khi công trình Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng đang trong quá trình triển khai thi công thì bất ngờ gặp sự cố. Chủ đầu tư dự án là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc, nhà thầu chính là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC), đơn vị thi công phần cọc là Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu Khí (PVC - ME) và đơn vị thi công phần thân và mặt cầu là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC - MT). Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình này đang phản ánh trên khoản mục hàng tồn kho thuộc bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là 15.379.218.000 VND. Theo Công văn số 0045/KMB-DADT ngày 16 tháng 01 năm 2013 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (chủ đầu tư), nguyên nhân sự cố được xác định là do khách quan. Đến thời điểm lập báo cáo, chưa có quyết định chính thức về phân trách nhiệm của các bên liên quan đến sự cố này.



**Lê Tuấn Nguyễn**  
Kế toán trưởng/Người lập biểu

Ngày 25 tháng 3 năm 2015



**Nguyễn Đình Phước**  
Giám đốc

